

Số: 227 /BVTV-TTB
Về việc yêu cầu báo giá gói thầu
“Mua sắm hóa chất xét nghiệm năm
2026”

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Trung Vương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Dự toán “Mua sắm hóa chất xét nghiệm năm 2026” bằng nguồn thu từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
- Địa chỉ: 266 Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, TPHCM

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- ThS.Ks. Bùi Chí Hùng – TP. VTTBYT
- Số dt: 0913963606 – Email: hungtrungvuong@gmail.com
- Cn. Phạm Thanh Vy – PTP.VTTBYT
- Số dt: 0772046046 – Email: tinyvy14@gmail.com
- Ds.Trần Ngọc Ngân – P.VTTBYT
- Số dt: 0765992245 -Email: dsngocngan99@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: báo giá gửi trực tiếp đến Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện Trung Vương; 266 Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, TPHCM. (Gửi kèm file excel qua email hungtrungvuong@gmail.com hoặc zalo 0913963606 – 0772046046 - 0765992245)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 8 giờ ngày 04 tháng 03 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 ngày 13 tháng 03 năm 2026.

Các báo giá được nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 13 tháng 03 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm năm 2026: Phụ lục danh mục đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp: tại Bệnh viện Trưng Vương, số 266 Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, TPHCM
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Công ty giao hàng từng đợt theo số lượng do Bệnh viện đặt trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Bệnh viện sẽ thanh toán trong vòng 3 tháng sau khi công ty cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ đã được qui định cho từng đợt thanh toán.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ BV;
- Lưu: VT, VTTBYT (TNN/2b)

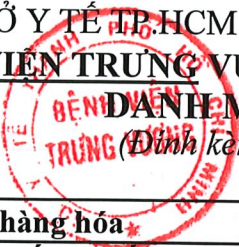


GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Huỳnh Ngọc Hón

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NĂM 2026

(Đính kèm Công văn số: 227 /BTVV-TTB ngày 25/02/2026)



STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật
1. NHÓM HÓA CHẤT TEST NHANH				
1	ANTI-A	Lọ	130	Có giấy phép lưu hành BHYT, dùng kháng thể đơn dòng IgM để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO, quy cách lọ $\geq 10\text{mL}$
2	ANTI-B	Lọ	130	Có giấy phép lưu hành BHYT, dùng kháng thể đơn dòng IgM để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO, quy cách lọ $\geq 10\text{mL}$
3	Anti AB	Lọ	4	Có giấy phép lưu hành BHYT, dùng kháng thể đơn dòng IgM để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO, quy cách lọ $\geq 10\text{mL}$
4	Anti Rh	Lọ	6	Có giấy phép lưu hành BHYT, dùng kháng thể đơn dòng IgM + IgG để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu Rh, quy cách lọ $\geq 10\text{mL}$
5	AHG	Lọ	2	Thuốc thử anti-human globulin dùng phát hiện sự hiện diện của kháng thể IgG + C3d, quy cách lọ $\geq 10\text{mL}$
6	DENGUE DUO (NS1Ag+IgM,IgG)	Test	200	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng virus Dengue trong huyết thanh, huyết tương hay máu toàn phần người. Test Dengue NS1 Ag có Độ nhạy $\geq 92\%$ và Độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Test Dengue IgG/IgM có độ nhạy $\geq 94\%$ và độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Dạng cassette. Có giấy phép lưu hành BHYT
7	Dengue IgM/IgG	Test	1,000	Test phát hiện và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng virus Dengue type huyết thanh 1,2,3,4. Độ nhạy $\geq 94\%$. Độ đặc hiệu $\geq 95\%$. Mẫu bệnh phẩm: huyết tương, huyết thanh. Dạng cassette. Có giấy phép lưu hành BHYT

8	DENGUE NS1Ag	Test	3,500	Test phát hiện kháng nguyên Dengue NS1. Độ nhạy $\geq 92\%$. Độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Mẫu bệnh phẩm: Huyết Tương, Huyết Thanh, Máu Toàn Phần. Dạng cassette. Có giấy phép lưu hành BHYT
9	Máu ẩn trong phân (F.O.B)	Test	500	Phát hiện định tính hemoglobin máu trong mẫu phân người. Độ nhạy: $\geq 95\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$. Không phản ứng chéo với mẫu máu động vật, Vitamin C và Sucrose. Giới hạn phát hiện tương đương 50 ng/ml hemoglobin máu người.
10	Helicobacter pylori bằng phương pháp urease (C.L.O test)	Test	10,000	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy
11	AMPHETAMIN	Test	500	Phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu. Có COA từ nhà sản xuất. Độ nhạy, độ đặc hiệu $\geq 98\%$
12	MARIJUANA	Test	500	Phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu. Có COA từ nhà sản xuất. Độ nhạy, độ đặc hiệu $\geq 98\%$
13	MORPHINE (heroin)	Test	600	Phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu. Có COA từ nhà sản xuất. Độ nhạy, độ đặc hiệu $\geq 98\%$
14	Bộ xét nghiệm chất gây nghiện 5 test (Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin)	Test	1,000	Phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu. Có COA từ nhà sản xuất. Độ nhạy, độ đặc hiệu $\geq 98\%$
15	SYPHILIS	Test	600	Được dùng với mục đích phát hiện kháng thể T.Pallidum trợ giúp chẩn đoán bệnh Giang Mai trong huyết tương, huyết thanh hoặc máu toàn phần người. Dạng cassette. Độ nhạy $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu : $\geq 98\%$.
16	HIV 1/2	Test	2,500	Độ nhạy $> 99\%$, độ đặc hiệu $> 98\%$, phát hiện được kháng thể kháng HIV type 1 và 2. Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút. Dạng cassette. Không có phản ứng chéo với HCV, giang mai, mẫu máu phụ nữ có thai.
17	SARS CoV-2 Ag	Test	500	Phát hiện định tính các kháng nguyên virus SARS CoV-2 từ que phết mũi, họng, mũi hầu hoặc các mẫu hút từ mũi - hầu. Độ nhạy $\geq 90\%$, độ đặc hiệu $\geq 98\%$ so với phương pháp nuôi cấy virus và RT-PCR.

18	HAV IgM/IgG	Test	100	Phát hiện kháng thể kháng HAV IgM và IgG trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 95\%$ và Độ đặc hiệu $\geq 97\%$.
19	HEV IgM/IgG	Test	100	Phát hiện kháng thể kháng HEV IgM và IgG trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 95\%$ và Độ đặc hiệu $\geq 95\%$.
20	Influenza A, B	Test	500	Phát hiện định tính các kháng nguyên virus cúm A và cúm B từ que phết mũi, họng, mũi hầu hoặc các mẫu hút từ mũi - hầu. Độ nhạy $\geq 90\%$, độ đặc hiệu $\geq 98\%$ so với phương pháp nuôi cấy virus và RT-PCR.

2. NHÓM HÓA CHẤT HUYẾT HỌC VÀ VI SINH

21	Acetone tinh khiết	ml	8,000	Hóa chất sử dụng trong vi sinh. Chai tương đương 500 ml
22	Acid Chlohydric - HCL	ml	3,000	Hóa chất sử dụng cho nhuộm vi khuẩn trong vi sinh. Chai tương đương 500 ml
23	BA 90	Đĩa	24,000	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , γ) của Streptococcus
24	BACITRACIN	Đĩa	500	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Bacitracin.
25	Bile Esculin	Ống	50	Ống thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng thủy giải esculin của vi khuẩn với sự hiện diện của bile để phân biệt Group D streptococcus với các nhóm streptococcus khác.
26	CARBO FUSHIN	ml	15,000	Chứa trong chai nhựa có thể tích tương đương 500ml. Thích hợp để nhuộm các vi khuẩn lao trong xét nghiệm vi sinh.
27	CARBO FUSHIN	gram	500	Thích hợp để nhuộm các vi khuẩn lao trong xét nghiệm vi sinh dạng bột
28	CHROMAGAR 90mm	Đĩa	6,000	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiêu
29	Crystal Violet	gram	100	Hóa chất sử dụng cho nhuộm vi khuẩn trong vi sinh. Chai ≥ 25 g

30	Crystal Violet	ml	8,000	Hóa chất sử dụng cho nhuộm vi khuẩn trong vi sinh. Chai tương đương 500 ml
31	Dầu soi kính	ml	6,000	Hóa chất sử dụng trong vi sinh. Chai ≥ 100 ml
32	Đĩa kháng sinh các loại	lọ	1,000	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Họ Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh để phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn
33	Giemsa	ml	8,000	Bộ thuốc nhuộm GIEMSA dùng để nhuộm các phết máu cho các mục đích xét nghiệm khác nhau. Chai ≥ 500 ml
34	Huyết tương thỏ đông khô	lọ	50	Bịch 10 lọ. Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus
35	METHYLEN BLUE	ml	15,000	Chứa trong chai nhựa có thể tích tương đương 500ml. Thích hợp để nhuộm các vi khuẩn lao trong xét nghiệm vi sinh.
36	Methylen blue	gram	500	Hóa chất sử dụng cho nhuộm vi khuẩn trong vi sinh. Chai ≥ 25 g
37	Môi trường nuôi cấy vi sinh CAHI 90	Đĩa	20,000	Môi trường dạng chế sẵn dùng trong nuôi cấy vi sinh
38	Môi trường nuôi cấy vi sinh MC 90	Đĩa	20,000	Môi trường dạng chế sẵn dùng trong nuôi cấy vi sinh
39	Môi trường nuôi cấy vi sinh MHA 90	Đĩa	12,000	Môi trường dạng chế sẵn dùng trong nuôi cấy vi sinh
40	Môi trường nuôi cấy vi sinh SS 90	Đĩa	800	Môi trường dạng chế sẵn dùng trong nuôi cấy vi sinh
41	NA 90	Đĩa	18,000	Môi trường dạng chế sẵn dùng trong nuôi cấy vi sinh
42	NITROCEFİN	Đĩa	400	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện β -lactamase cổ điển
43	OPTOCHIN	Đĩa	400	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin
44	OXIDASE	Đĩa	400	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm Oxidase
45	Phenol	kg	3	Hóa chất sử dụng trong vi sinh. Chai tương đương 1 kg

46	SAFRANIN	ml	8,000	Chứa trong chai nhựa có thể tích tương đương 500ml. Thích hợp cho việc nhuộm vi khuẩn trong các xét nghiệm vi sinh.
47	Safranin O	gram	100	Hóa chất sử dụng cho nhuộm vi khuẩn trong vi sinh. Chai ≥ 25 g
48	Enterococcus faecalis ATCC 29212	Lọ	20	Lọ thủy tinh chứa 1 chủng vi khuẩn đã được đông khô, đời cấy truyền ≤ 3 . Hộp ≥ 5 lọ.
49	Escherichia coli ATCC 25922	Lọ	20	Lọ thủy tinh chứa 1 chủng vi khuẩn đã được đông khô, đời cấy truyền ≤ 3 . Hộp ≥ 5 lọ.
50	Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Lọ	20	Lọ thủy tinh chứa 1 chủng vi khuẩn đã được đông khô, đời cấy truyền ≤ 3 . Hộp ≥ 5 lọ.
51	Streptococcus pneumonia ATCC 49619	Lọ	20	Lọ thủy tinh chứa 1 chủng vi khuẩn đã được đông khô, đời cấy truyền ≤ 3 . Hộp ≥ 5 lọ.
52	Staphylococcus aureus ATCC 29213	Lọ	20	Lọ thủy tinh chứa 1 chủng vi khuẩn đã được đông khô, đời cấy truyền ≤ 3 . Hộp ≥ 5 lọ.
53	TSB 6.5% NaCl	Ống	20	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng dung nạp 6.5% sodium chloride của vi khuẩn để phân biệt Enterococcus với non - Enterococcus.
54	Tube giữ chủng	Ống	2,000	Đựng trong tube nhựa dùng để bảo quản và lưu giữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc và ngưỡng nhiệt độ bảo quản: - 20 độ C (1 năm); - 30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm). Hộp ≥ 10 ống
55	BHI Broth	gram	1,000	Môi trường dinh dưỡng cao để hỗ trợ sự sinh trưởng của nhiều loại vi sinh vật. Chai ≥ 500 g
56	Hồng cầu mẫu A1/B	hộp	6	Bộ hồng cầu mẫu gồm 2 lọ A1 và B dùng cho định nhóm máu ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu. Hộp ≥ 20 ml
57	Bộ hồng cầu kiểm chuẩn	ml	120	Thành phần: Hồng cầu người (haematocrit $15 \pm 2\%$) trong dung dịch đệm dinh dưỡng đẳng trương có chứa chất bảo quản, dùng kiểm chứng trong xét nghiệm xác định kháng nguyên nhóm máu hệ ABO, hệ Rh và hệ K, xác định kháng thể tương ứng của hệ nhóm máu ABO phát hiện kháng thể bất thường và xét nghiệm hòa hợp nhóm máu hệ ABO. Hộp ≥ 20 ml



58	MỤC TÀU	ml	500	Hóa chất dùng trong vi sinh khi soi tìm <i>Streptococcus neoformans</i> trong dịch não tủy
59	Kali iod	gram	500	Hóa chất dùng trong vi sinh, giúp hòa tan iod trong nhuộm gram. Chai \geq 500 g
3. NHÓM HÓA CHẤT KIỂM CHUẨN				
60	Chương trình ngoại kiểm Amonia/Ethanol	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng \geq 2 thông số Ammonia và Ethanol đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
61	Chương trình ngoại kiểm Đông máu	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng \geq 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
62	Chương trình ngoại kiểm HbA1c	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
63	Chương trình ngoại kiểm huyết học	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng \geq 10 thông số công thức máu hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
64	Chương trình ngoại kiểm Khí máu	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Khí máu đáp ứng \geq 10 thông số khí máu, Glucose và Điện giải hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
65	Chương trình ngoại kiểm Tổng phân tích nước tiểu	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Niệu đáp ứng \geq 10 thông số tổng phân tích nước tiểu hoặc tương đương. Thành phần yêu cầu 100% nước tiểu người, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.

66	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng ≥ 40 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones và dấu ấn ung thư hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
67	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng ≥ 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
68	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng ≥ 11 thông số dấu ấn tim mạch hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
69	Chương trình ngoại kiểm cho xét nghiệm Miễn dịch đặc biệt	Chương trình	1	Chương trình miễn dịch đặc biệt đáp ứng ≥ 05 thông số: Procalcitonin, C-Peptide, Anti -TG, Anti -TPO... hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
70	Chương trình ngoại kiểm Protein đặc biệt	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Protein đáp ứng ≥ 20 thông số: Transferrin, C3, C4, CRP, Ferritin, Anti Streptolysin O, RF, Haptoglobin... hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
71	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa nước tiểu	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa nước tiểu đáp ứng ≥ 20 thông số: Microalbumin, Creatinin, Amylase, Calcium, Chloride, Potassium, Sodium, Ure, Glucose... hoặc tương đương, đủ để triển khai trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.

PHÒNG
HỘI VIÊN
G VƯỜN

72	Chương trình ngoại kiểm HIV/Viêm gan	Chương trình	1	Chương trình ngoại kiểm HIV/Viêm gan, đáp ứng ≥ 12 thông số: Anti - HAV, Anti - HBc, Anti - HBs, HBsAg, Anti HBe, Anti - HCV, Anti - HIV-1, Anti HIV-2... hoặc tương đương, đủ để sử dụng trong một năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.
73	Hóa chất nội kiểm Huyết học (3 mức)	Bộ	30	Hóa chất nội kiểm huyết học. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng ≥ 22 thông số cho máy huyết học đo 5 thành phần bạch cầu. Độ bền mở nắp ≥ 14 ngày ở 2-8 độ C hoặc tương đương. Bộ 3 mức ≥ 10 ml
74	Hóa chất nội kiểm HbA1c (2 mức)	Lọ	20	Hóa chất nội kiểm HbA1c. Dạng đông khô. 100% máu toàn phần từ người. Đáp ứng 2 mức. Độ bền mở nắp tối thiểu 28 ngày 2-8oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 0.5 ml
75	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức bình thường	Lọ	60	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức bình thường. Dạng đông khô để bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng ≥ 70 thông số. Lọ ≥ 5 ml
76	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức cao	Lọ	60	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức cao. Dạng đông khô để bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng ≥ 70 thông số. Lọ ≥ 5 ml
77	Hóa chất nội kiểm Ammonia Ethanol mức thấp	Lọ	80	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm Ammonia và Ethanol. mức thấp. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương. Lọ ≥ 2 ml
78	Hóa chất nội kiểm Ammonia Ethanol mức bình thường	Lọ	80	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm Ammonia và Ethanol mức trung bình. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương. Lọ ≥ 2 ml
79	Hóa chất nội kiểm Ammonia Ethanol mức cao	Lọ	80	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm Ammonia và Ethanol mức cao. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương. Lọ ≥ 2 ml

80	Hóa chất nội kiểm Sinh hóa nước tiểu mức bình thường	Lọ	120	Hóa chất nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức bình thường. Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 24 thông số. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 5 ngày ở 2-8oC hoặc 2 tuần ở -24oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 10 ml
81	Hóa chất nội kiểm Sinh hóa nước tiểu mức cao	Lọ	120	Hóa chất nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức cao. Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 24 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 5 ngày ở 2-8oC hoặc 2 tuần ở -24oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 10 ml
82	Hóa chất nội kiểm Tim mạch (3 mức)	Lọ	60	Hóa chất nội kiểm tim mạch 3 mức. Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 7 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 5 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày -20oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 2 ml
83	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức thấp	Lọ	30	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức thấp Dạng lỏng dùng liền để dùng sử dụng và bảo quản ở 2-8oC. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 26 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 1 ml
84	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức bình thường	Lọ	30	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức bình thường. Dạng lỏng dùng liền để dùng sử dụng và bảo quản ở 2-8oC. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 26 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 1 ml
85	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức cao	Lọ	30	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức cao. Dạng lỏng dùng liền để dùng sử dụng và bảo quản ở 2-8oC. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 26 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 1 ml
86	Hóa chất Nội kiểm đông máu mức thấp	Lọ	24	Hóa chất nội kiểm đông máu mức thấp. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 1 ml

87	Hóa chất Nội kiểm đông máu mức bình thường	Lọ	24	Hóa chất nội kiểm đông máu mức bình thường. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 1 ml
88	Hóa chất Nội kiểm đông máu mức cao	Lọ	24	Hóa chất nội kiểm đông máu mức cao. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 1 ml
89	Nội kiểm Miễn Dịch 3 mức	Lọ	36	Hóa chất nội kiểm miễn dịch 3 mức. Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người, không bao gồm thành phần động vật. Đáp ứng trên 50 các thông số Miễn dịch. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày ở 20oC hoặc tương đương. Lọ ≥ 5 ml

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Trung Vương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Trung Vương, chúng tôi: báo giá cho hóa chất xét nghiệm năm 2026 như sau:

1. Báo giá cho hóa chất xét nghiệm năm 2026 liên quan:

Stt	Danh mục VTTH	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí và lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tính năng kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (9) * (10+11+12)	(14)
1	A ...												
2	B ...												
3													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 180 ngày kể từ ngày

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của Vật tư y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. ✓

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

